TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2024/HSPT
Ngày: 10-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Anh Tuấn**

Các Thẩm phán: **Ông Mai Văn Quang và Ông Đinh Quốc Trí**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Đặng Thị Thanh Hoa**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* **Bà Lý Thị Mai Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 965/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Anh T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 211/2023/HSST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1987 tại Hà Nội; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân T1 và bà Nguyễn Thị N (chết); vợ: Nguyễn Thị N1; con: 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Không; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Những đương sự không kháng cáo:

** Người bị hại*:

- **Anh Đỗ Văn B**, sinh năm 1995 - vắng mặt;

- **Anh Hà Văn T2**, sinh năm 1980 - vắng mặt;

Đều cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, Hà Nội.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- **Anh Trần Văn K,** sinh năm 1984 - vắng mặt;

- **Chị Nguyễn Thị Minh H**, sinh năm 1983 - vắng mặt;

Đều cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Anh T nảy sinh ý định mượn xe máy của người khác để cầm cố lấy tiền. Khoảng 17 giờ 30 ngày 10/02/2023, T đi bộ sang nhà anh Đỗ Văn B, sinh năm 1995 ở thôn T, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội hỏi mượn xe máy đi giải quyết công việc xong sẽ trả lại ngay, anh B tưởng thật nên đồng ý cho T mượn 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29S6 - 882.00. Mượn được xe, T đi thẳng đến nhà anh Trần Văn K, sinh năm 1984 ở thôn B, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội cầm cố xe cho anh K. Sau khi xem xe, anh K nhận cầm cố xe với giá 6.000.000 đồng nhưng yêu cầu T viết giấy vay tiền, thời hạn vay 10 ngày, anh K cắt lại 200.000 đồng và đưa cho T 5.800.000 đồng. Đến 20 giờ 30 cùng ngày, T tiếp tục đến nhà anh Hà Văn T2, sinh năm 1980 ở thôn T, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội hỏi mượn 01 xe máy nhãn hiệu Honda Super Dream, biển kiểm soát 20F3 - 9323 rồi mang đi cầm cố cho anh Trần Văn K được số tiền 4.000.000 đồng, anh K cắt lại 150.000 đồng và đưa cho T2 3.850.000 đồng. Tổng số tiền T2 cầm cố xe là 9.650.000 đồng, số tiền này T2 đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi cho mượn xe, anh B, anh Văn T2 không thấy T2 trả xe đã đến yêu cầu T2 trả xe, T3 thừa nhận đã cầm cố 02 xe máy nêu trên cho anh K. Anh B đến nhà anh K tìm nhưng không thấy xe nên đã trình báo Công an xã T. Ngày 13/02/2023, anh Hà Văn T2 cùng vợ là chị Nguyễn Thị Minh H đến nhà anh K chuộc lại xe máy biển kiểm soát 20F3 - 9323 với số tiền 4.000.000 đồng. Ngày 02/4/2023, T2 đã trả cho anh K số tiền 6.000.000 đồng cầm cố xe máy máy biển kiểm soát 29S6 - 882.00 và trả cho anh Hà Văn T2 4.000.000 đồng tiền anh T2 chuộc xe máy biển kiểm soát 20F3 - 9323.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 64/KL-HĐ ngày 14/3/2023 và số 241/KL-HĐ ngày 19/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS 29S6-882.00, trị giá 15.666.000 đồng; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Super Dream, BKS 20F3 - 9323, trị giá 8.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 182/CT-VKS ngày 07/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo khai: Do bị cáo cần tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định mượn xe của người khác đi cầm cố. Sau đó bị cáo đã mượn 01 xe máy BKS 29S6-882.00 của anh Nguyễn Văn B1 và mượn 01 xe máy BKS 20F3 - 9323 của anh Hà Văn T2 mang đến cầm cố cho anh Trần Văn K được 10.000.000 đồng nhưng anh K chỉ đưa cho bị cáo 9.650.000 đồng và cắt lãi 350.000 đồng, toàn bộ số tiền cầm cố xe, bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã cố gắng khắc phục hậu quả bằng việc trả cho vợ chồng anh Hà Văn T2 4.000.000 đồng tiền mà vợ chồng anh B1 đã trả cho anh K để chuộc xe và trả cho anh K 6.000.000 đồng tiền cầm cố xe của anh B1, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo. Đối với số tiền 350.000 đồng mà anh K đã cắt lại khi bị cáo cầm cố 02 xe máy là do bị cáo và anh K tự thỏa thuận với nhau, bị cáo không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người bị hại là anh Nguyễn Văn B1 trình bày (bút lục 30):* Khoảng 17h40 ngày 10/02/2023, T2 sang nhà hỏi mượn anh 01 xe máy BKS 29S6-882.00 để đi có việc một lúc rồi trả nhưng đến ngày 13/02/2023, T2 vẫn không trả xe. Khi anh tìm T2 đòi xe thì T2 nói đã cầm cố xe cho anh K. Sau đó anh đến nhà anh K tìm nhưng không thấy xe nên anh đã trình báo Công an xã T. Xe máy này anh mua mới năm 2021, hiện còn 90% giá trị. Nay anh đã nhận lại xe máy nêu trên và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

** Người bị hại là anh Hà Văn T2 trình bày (bút lục 90-92):* Năm 2015, anh mua lại của người lạ 01 xe máy nhãn hiệu Dream, BKS 20F3 – 9323 nhưng không làm giấy mua bán và cũng không có giấy tờ, hiện xe còn 90% giá trị. Khoảng 20h ngày 10/02/2023, T2 sang nhà hỏi mượn anh 01 xe máy BKS 20F3 – 9323 để đi có việc về trả ngay, anh đồng ý. Đến 22h cùng ngày, không thấy T2 trả xe, anh gọi điện thì T2 khất lần và không trả xe cho anh. Đến 21h ngày 12/02/2023, vợ chồng anh sang nhà T2 đòi xe thì T2 nói đã cắm xe và đưa vợ chồng anh đến nhà anh K. Tại đây, vợ anh là chị Nguyễn Thị Minh H đã chuyển khoản cho anh K 4.000.000 đồng để chuộc xe. Sau đó về nhà, T2 đã trả lại cho vợ chồng anh 4.000.000 đồng, anh không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn K trình bày (bút lục 119):* Khoảng 16h ngày 10/02/2023, anh đang ở quán sửa xe thì Nguyễn Anh T và Nguyễn Văn L đến, L giới thiệu T là người nhà, T nói là chủ xe máy Honda Wave BKS 29S6-88200 và bảo anh cho cầm cố xe để vay 6.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày, anh đồng ý. Hai bên thỏa thuận lập giấy vay tiền và để lại xe máy BKS 29S6-88200, tiền lãi là 200.000 đồng và L là người chứng kiến. Sau đó, anh chụp lại căn cước công dân của T và hình ảnh T đứng cạnh chiếc xe máy nêu trên làm bằng chứng rồi đưa cho T 5.800.000 đồng, cắt 200.000 đồng tiền lãi. Đến khoảng 20h cùng ngày, T tiếp tục mang xe máy Dream BKS 20F3-9323 đến nói cần tiền gấp muốn vay 4.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày và để lại xe máy làm tin, hai bên thỏa thuận tiền công là 150.000 đồng nhưng không làm giấy tờ gì, anh đưa cho T 3.850.000 đồng. Sau đó khoảng 20h ngày 12/02/2023, T dẫn vợ chồng anh Hà Văn T2 đến chuộc xe, chị H chuyển khoản cho anh 4.000.000 đồng và anh đã trả lại xe cho vợ chồng anh T2. Đối với xe máy Honda Wave BKS 29S6-88200 anh đã bàn giao cho Cơ quan điều tra, ngày 02/4/2023, T2 đã trả cho anh 6.000.000 đồng tiền cầm cố xe BKS 29S6-88200 và 700.000 đồng tiền bảo dưỡng xe. Khi nhận cầm cố xe, T2 nói 02 xe máy này là xe của T2, anh không có giấy phép kinh doanh cầm đồ. Hiện T2 đã trả đủ số tiền đã vay, anh không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Minh H trình bày (bút lục 99):* T2 là em họ, ở gần nhà chị. Khoảng 21h ngày 12/02/2023, chị đi cùng chồng là Hà Văn T2 đến đòi xe máy BKS 20F3 – 9323 mà T2 đã mượn

chồng chị trước đó. Đến nơi, T2 nói đã cắm xe cho anh Trần Văn K lấy tiền tiêu xài. Sau đó, T2 đưa vợ chồng chị đến nhà anh K, chị đã chuyển khoản cho anh K 4.000.000 đồng để chuộc xe. Khi về nhà, T2 đã trả lại vợ chồng chị 4.000.000 đồng, chị không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 211/2023/HSST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Anh T 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn B1, anh Hà Văn T2, chị Nguyễn Thị Minh H và anh Trần Văn K không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo không yêu cầu giải quyết đối với số tiền 350.000 đồng anh Trần Văn K cắt lãi khi nhận cầm cố xe.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2023, bị cáo Nguyễn Anh T kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

Về hình thức kháng cáo: Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh, điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Bị cáo không xuất trình được tình tiết gì mới.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp với các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Anh T nảy sinh ý định mượn xe máy để cầm cố lấy tiền. Khoảng 16h ngày 10/02/2023, tại thôn T, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội, T dùng thủ đoạn gian dối mượn của anh Đỗ Văn B 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 29S6 - 882.00 rồi mang cầm cố cho anh Trần Văn K lấy 6.000.000 đồng. Cùng thủ đoạn nêu trên, khoảng 20h cùng ngày, T tiếp tục mượn của anh Hà Văn T2 01 xe máy nhãn hiệu Honda Super Dream, BKS: 20F3 – 9323 đem cầm cố cho anh Trần Văn K lấy 4.000.000 đồng, toàn bộ số tiền cầm cố 02 xe máy trên, T2 chi tiêu cá nhân hết. Tại các Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 29S6 - 882.00 trị giá 15.666.000 đồng và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Super Dream, BKS 20F3 - 9323 trị giá 8.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 23.666.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Anh T đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ

Đối chiếu với qui định của pháp luật hình sự thì Nguyễn Anh T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" qui định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS. Bản án sơ thẩm đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo đề nghị giảm hình phạt và cho hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Bị cáo không xuất trình được tình tiết gì mới. Nên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm: 211/2023/HSST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Nguyễn Anh T 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Anh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND; VKSND, CA, Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- VKSND TP Hà Nội;
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú (thay thông báo);
- Lưu trữ, Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Anh Tuấn